

Bản án số: 14/2022/DS-ST
Ngày: 03 - 3 - 2022
V/v: “Tranh chấp dân sự
về Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH A**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn H .

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Quốc H.

2. Bà Diệp Thị Thu N

- Thư ký phiên tòa: bà Đặng Huỳnh H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: không tham gia.

Trong ngày 03 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2021/TLST-DS ngày 27/12/2021 về việc “Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXX-DS ngày 21/02/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Đoàn Thị P , sinh năm 1980. (Có mặt).

Địa chỉ: ấp B, thị trấn N, huyện T , tỉnh A .

2. *Bị đơn:* ông Phạm Tuấn K , sinh năm 1973. (Có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện T , tỉnh A .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 19/11/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đoàn Thị P trình bày: do bà P với ông K là chỗ quen biết nên bà P có cho ông Phạm Tuấn K vay tiền nhiều lần. Đến ngày 19/02/2021, ông K chót lại số nợ và ký Giấy nợ bà P 20.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất 1,5%/tháng. Tuy nhiên, khi đến thời hạn trả tiền, bà P nhiều lần yêu cầu ông K trả nợ nhưng ông K vẫn không thực hiện.

Nay bà P yêu cầu ông Phạm Tuấn K có trách nhiệm trả số tiền vay 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*) và lãi suất 1,5%/tháng từ ngày 19/02/2021 đến khi xét xử.

Tại Tờ tự khai ngày 16/02/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Tuấn K trình bày: ông K thừa nhận có vay tiền của bà P rất nhiều lần. Đến ngày 19/02/2021, ông K và bà P có chốt lại số tiền vay nên ông ký giấy nợ bà P là 20.000.000 đồng. Các bên thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng sẽ trả đủ vốn, lãi cho bà P. Tuy nhiên, do làm ăn thất bại nên ông K chưa trả vốn và cũng không đóng lãi theo thỏa thuận. Nay bà P yêu cầu ông K có trách nhiệm trả 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*) và lãi suất 1,5%/tháng từ ngày 19/02/2021 đến khi xét xử thì ông đồng ý trả số tiền vốn 20.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn nên yêu cầu bà P cho trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ; yêu cầu bà P không tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là tranh chấp dân sự về Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Phạm Tuấn K có địa chỉ tại ấp T, xã B, huyện T, tỉnh A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: bà Đoàn Thị P yêu cầu ông Phạm Tuấn K trả số tiền vay là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và lãi suất 1,5%/tháng. Chứng cứ nguyên đơn đưa ra là Giấy mượn tiền ngày 19/02/2021 với nội dung: “*Tôi tên Phạm Tuấn K, sinh năm 1973, số CMND: 350 990 654, cấp ngày 05/11/2019 do Công an tỉnh A cấp. Hộ khẩu thường trú: ấp T, xã B, huyện T, tỉnh A. Nay tôi có mượn của bà Đoàn Thị P, sinh năm 1980, hộ khẩu thường trú: ấp Bắc Sơn, thị trấn N, huyện T, tỉnh A với số tiền là 20.000.000 đồng (bằng chữ: hai mươi triệu đồng). Thời hạn là 06 tháng sẽ trả vốn và lãi. Kể từ ngày nhận tiền là: ngày 19/02/2021. Hết hạn ngày trả là ngày 19/8/2021. Lãi suất 1,5%/tháng.....*”.

[3] Bị đơn ông Phạm Tuấn K thừa nhận còn thiếu bà Đoàn Thị P số tiền 20.000.000 đồng, do hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn nên yêu cầu bà P cho trả mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi hết số tiền nêu trên và yêu cầu bà P không tính lãi nhưng bà P không đồng ý.

[4] Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa bà Đoàn Thị P và ông Phạm Tuấn K thực tế có xảy ra, được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên hợp đồng hợp pháp và có hiệu lực từ thời điểm giao kết. Ông Phạm Tuấn K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà P căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 19/02/2021, khởi kiện yêu cầu ông K trả số tiền

20.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về lãi suất: nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi với mức lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng, kể từ ngày 19/02/2021 đến khi xét xử.

Tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*Lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay,....*”.

Ông Phạm Tuấn K ký biên nhận nợ ngày 19/02/2021 nhưng đến nay vẫn chưa trả vốn và lãi nên bà P yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng (tương đương 18%/năm).

Xét thấy, lãi suất nguyên đơn yêu cầu không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay là phù hợp với khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tiền lãi tính từ ngày 19/02/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03/3/2022) là 12 tháng 12 ngày (tức là 377 ngày); lãi suất 1,5%/tháng, tương đương 0,05%/ngày. Như vậy, lãi suất được tính như sau: (20.000.000 đồng x 0,05%) x 377 ngày = 3.770.000 đồng.

Tổng số vốn và lãi là: (20.000.000 đồng + 3.770.000 đồng) = 23.770.000 đồng.

Do đó, buộc ông Phạm Tuấn K phải trả cho bà Đoàn Thị P số tiền vốn và lãi là 23.770.000 đồng (trong đó tiền vốn 20.000.000 đồng; tiền lãi 3.770.000 đồng).

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Phạm Tuấn K bị buộc trả số tiền nêu trên nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bà Đoàn Thị P không phải chịu án phí nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị P .

1.1. Buộc ông Phạm Tuấn K có nghĩa vụ trả cho bà Đoàn Thị P số tiền vốn và lãi là 23.770.000 đồng (hai mươi ba triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

1.2. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả

lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Phạm Tuấn K phải chịu 1.188.500 đồng (một triệu, một trăm tám mươi tám nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Bà Đoàn Thị P không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng), đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008632, ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh A.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh A ;
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Trần Văn H